

Số 358/QĐ-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026
của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Nghị quyết số 1548/NQ-TDĐTĐN ngày 06/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc ban hành Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2025 – 2026;

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng tuyển sinh đại học ngày 06/3/2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với khóa tuyển sinh từ năm 2026.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục, trường các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ GDĐH – Bộ GD&ĐT (b/c);
- Vụ KHCN&TMT – Bộ VHTTDL (b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Website Trường;
- Lưu: VT; ĐTBĐCLGD.



Phan Thanh Hải

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-TDĐTĐN ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG
2. Mã trường trong tuyển sinh: TTD
3. Địa chỉ các trụ sở:
 - Trụ sở chính: Số 44 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
 - Cơ sở 2: Số 122 Hoàng Minh Thảo, phường Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://dsu.edu.vn>
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0915090123; 0973427101; Email: tuyensinh.ttd@gmail.com.
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; quy chế thi năng khiếu; thông tin tuyển sinh; đề án tổ chức thi năng khiếu: <https://dsu.edu.vn/tuyensinh>;

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường
<https://dsu.edu.vn/cong-khai-chat-luong>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. **Đối tượng:** Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
- b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định đối với chương trình đào tạo của ngành đăng ký dự tuyển;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (không mắc các bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh..., không bị dị hình, dị tật, khuyết tật). Sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học Trường sẽ tổ chức khám sức khỏe, nếu thí sinh có kết luận của cơ quan y tế không đủ khả năng học tập vì lý do sức khỏe và bệnh lý thì thí sinh không đủ điều kiện theo học tại Trường.
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- d) Có kết quả điểm thi môn năng khiếu do Trường tổ chức đối với các phương thức, tổ hợp có xét tuyển môn thi năng khiếu TDTT;
- e) Thí sinh đã đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Trường Đại học TDTT Đà Nẵng tuyển sinh theo các phương thức sau:

- Xét tuyển
- Kết hợp xét tuyển và thi tuyển

2.1. Các phương thức xét tuyển

a) Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (mã 301)

Đối tượng xét tuyển thẳng:

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thể vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

b) Xét kết quả điểm thi THPT và điểm thi năng khiếu TDTT (mã 405)

Bao gồm các tổ hợp xét tuyển sau:

- Tổ hợp 1 (mã T01): Toán – NK1 – NK2
- Tổ hợp 2 (mã T02): Ngữ văn – NK1 – NK2

(Trong đó: NK1: Năng khiếu chung; NK2: Năng khiếu chuyên môn)

c) Xét kết quả điểm học tập THPT (học bạ cả năm các lớp 10, 11, 12) và điểm thi năng khiếu TDTT (mã 406)

Bao gồm các tổ hợp xét tuyển sau:

- Tổ hợp 1 (mã T01): Toán – NK1 – NK2
- Tổ hợp 2 (mã T02): Ngữ văn – NK1 – NK2

(Trong đó: NK1: Năng khiếu chung; NK2: Năng khiếu chuyên môn)

d) Xét tuyển điểm thi THPT (mã 100). Áp dụng đối với các chương trình đào tạo ngành Quản lý Thể dục thể thao.

Bao gồm các tổ hợp xét tuyển sau:

- Tổ hợp 1 (mã B03): Toán – Văn – Sinh học
- Tổ hợp 2 (mã C01): Toán – Văn – Vật lý
- Tổ hợp 3 (mã C03): Toán – Văn – Lịch sử
- Tổ hợp 4 (mã X01): Toán – Văn – GDKTPL/GDCD (*)

(*) **GDKTPL/GDCD**: Giáo dục kinh tế và pháp luật, thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 trở về trước môn GDKTPL = Giáo dục công dân (GDCD).

e) Xét tuyển điểm học tập THPT (học bạ cả năm các lớp 10,11,12) - (mã 200). Áp dụng đối với các chương trình đào tạo ngành Quản lý Thể dục thể thao

Bao gồm các tổ hợp xét tuyển sau:

- Tổ hợp 1 (mã B03): Toán – Văn – Sinh học
- Tổ hợp 2 (mã C01): Toán – Văn – Vật lý
- Tổ hợp 3 (mã C03): Toán – Văn – Lịch sử
- Tổ hợp 4 (mã X01): Toán – Văn – GDKTPL/GDCD (*)

(*) **GDKTPL/GDCD**: Giáo dục kinh tế và pháp luật, thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 trở về trước môn GDKTPL = Giáo dục công dân (GDCD).



(Handwritten mark)

2.2. Điều kiện áp dụng đối với một số đối tượng:

a) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước, nếu có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào các ngành theo Phương thức xét tuyển kết quả điểm thi THPT và điểm thi năng khiếu TĐTT (mã 405), Phương thức sử dụng điểm thi THPT (mã 100) phải đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với các môn văn hoá tương ứng theo tổ hợp xét tuyển.

b) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước, nếu có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất theo Phương thức sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ) và điểm thi môn năng khiếu TĐTT (mã 406), phải đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với các môn văn hoá tương ứng theo tổ hợp xét tuyển.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào

a) Điểm thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển không thực hiện quy đổi khi xác định ngưỡng đầu vào.

b) Điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT được quy đổi tương đương với điểm các môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo phương pháp nội suy tuyến tính, bảo đảm tương đương về mức độ đánh giá năng lực thí sinh và thực hiện trên cùng thang điểm xét tuyển.

c) Bảng quy đổi tương đương xác định thí sinh trúng tuyển giữa các phương thức được Hội đồng tuyển sinh Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi THPT năm 2026 và theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

3.2. Ngưỡng đầu vào

a) Đối với ngành Giáo dục thể chất

TT	Phương thức	Ngưỡng đảm bảo đầu vào
1	Xét tuyển điểm thi THPT và điểm thi năng khiếu TĐTT	Thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào (điểm sàn) theo quy định của Bộ GD&ĐT và điểm trung bình của 02 môn năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên.
2	Xét tuyển kết quả học tập THPT (điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10,11,12) với điểm thi năng khiếu TĐTT	- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 và điểm thi THPT môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,50 điểm trở lên <i>hoặc</i> điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên. - Điểm trung bình của 02 môn năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên.

TRƯỜNG
AI HỌC
C THỂ
NĂM

b) Đối với ngành Huấn luyện thể thao

TT	Phương thức	Ngưỡng đảm bảo đầu vào
1	Xét tuyển điểm thi THPT và điểm thi năng khiếu TDTT	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thi môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm trung bình của 02 môn năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên.
2	Xét tuyển kết quả học tập THPT (điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10,11,12) với điểm thi năng khiếu TDTT	<p>Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm lớp 12 và điểm thi THPT môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm trung bình của 02 môn năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên. <p>Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm lớp 12 và điểm môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm trung bình của 02 môn năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên.

c) Đối với ngành Quản lý Thể dục thể thao

TT	Phương thức	Ngưỡng đảm bảo đầu vào
1	Xét tuyển điểm thi THPT và điểm thi năng khiếu TDTT	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm thi môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm trung bình của 02 môn năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên.
2	Xét tuyển kết quả học tập THPT (điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10,11, 12) với điểm thi năng khiếu TDTT	<p>Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm lớp 12 và điểm thi THPT môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm trung bình của 02 môn năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên. <p>Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm

TT	Phương thức	Ngưỡng đảm bảo đầu vào
		lớp 12 và điểm môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm trung bình của 02 môn năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên.
3	Xét tuyển điểm thi THPT theo các tổ hợp môn	Tổng điểm các môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, <i>chỉ áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp THPT từ năm 2026</i>
4	Xét tuyển điểm học tập THPT (điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12) theo các tổ hợp môn	Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm lớp 12 và điểm thi THPT môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm lớp 12 và điểm môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên.

Thí sinh là vận động viên (VĐV) cấp 1, VĐV kiện tướng, VĐV đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

3.3. Điểm trúng tuyển

a) Điểm trúng tuyển của một chương trình đào tạo (đã quy đổi theo mục 3.1 sau khi có hướng dẫn của Bộ GD&ĐT) là ngưỡng điểm mà những thí sinh có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển vào các ngành và được làm tròn đến hàng phần trăm.

b) Thí sinh có điểm xét tuyển (đã quy đổi) từ bằng đến cao hơn điểm trúng tuyển thì đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành dự tuyển.

3.4. Cách tính điểm

a) Phương thức có sử dụng điểm thi môn năng khiếu

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{VH}} + \text{Đ}_{\text{NK1}} + \text{Đ}_{\text{NK2}}] + \text{Đ}_{\text{UT}}$$

Trong đó: Đ_{VH} Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển điểm thi THPT hoặc điểm học tập THPT (học bạ), điểm học bạ được tính như sau:

$\text{Đ}_{\text{VH}} =$	$\text{ĐTBMCN}_{\text{lớp 10}} + \text{ĐTBMCN}_{\text{lớp 11}} + \text{ĐTBMCN}_{\text{lớp 12}}$
	3

(Trong đó: ĐTBMCN là điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12)

Đ_{NK1} : Là điểm môn năng khiếu TDTT chung

Đ_{NK2} : Là điểm môn năng khiếu TDTT chuyên ngành

- Điểm môn năng khiếu (NK1; NK2): chấm theo thang điểm 10 của mỗi nội dung thi, tổng điểm môn NK1; NK2 là điểm trung bình cộng của các nội dung thi.

TT	Phương thức	Ngưỡng đảm bảo đầu vào
		lớp 12 và điểm môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. - Điểm trung bình của 02 môn năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên.
3	Xét tuyển điểm thi THPT theo các tổ hợp môn	Tổng điểm các môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, <i>chỉ áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp THPT từ năm 2026</i>
4	Xét tuyển điểm học tập THPT (điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10,11, 12) theo các tổ hợp môn	Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm lớp 12 và điểm thi THPT môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên. Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại từ trung bình trở lên) cả năm lớp 12 và điểm môn Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ 5,0 điểm trở lên.

Thí sinh là vận động viên (VĐV) cấp 1, VĐV kiện tướng, VĐV đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

3.3. Điểm trúng tuyển

a) Điểm trúng tuyển của một chương trình đào tạo (đã quy đổi theo mục 3.1 sau khi có hướng dẫn của Bộ GD&ĐT) là ngưỡng điểm mà những thí sinh có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển vào các ngành và được làm tròn đến hàng phần trăm.

b) Thí sinh có điểm xét tuyển (đã quy đổi) từ bằng đến cao hơn điểm trúng tuyển thì đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành dự tuyển.

3.4. Cách tính điểm

a) Phương thức có sử dụng điểm thi môn năng khiếu

$$\text{Điểm xét tuyển} = [\text{Đ}_{\text{VH}} + \text{Đ}_{\text{NK1}} + \text{Đ}_{\text{NK2}}] + \text{Đ}_{\text{UT}}$$

Trong đó: Đ_{VH} Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển điểm thi THPT hoặc điểm học tập THPT (học bạ), điểm học bạ được tính như sau:

$\text{Đ}_{\text{VH}} =$	$\text{ĐTBMCN}_{\text{lớp10}} + \text{ĐTBMCN}_{\text{lớp11}} + \text{ĐTBMCN}_{\text{lớp12}}$
	3

(Trong đó: ĐTBMCN là điểm trung bình chung cả năm lớp 10,11,12)

Đ_{NK1} : Là điểm môn năng khiếu TDTT chung

Đ_{NK2} : Là điểm môn năng khiếu TDTT chuyên ngành

- Điểm môn năng khiếu (NK1; NK2): chấm theo thang điểm 10 của mỗi nội dung thi, tổng điểm môn NK1; NK2 là điểm trung bình cộng của các nội dung thi.

$\mathbf{Đ_{UT}}$: Điểm ưu tiên = $\mathbf{Đ_{UT}}$ khu vực + $\mathbf{Đ_{UT}}$ đối tượng

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD\&ĐT.}$

b) Phương thức không sử dụng điểm thi môn năng khiếu

$\text{Điểm xét tuyển} = [\mathbf{Đ_{M1}} + \mathbf{Đ_{M2}} + \mathbf{Đ_{M3}}] + \mathbf{Đ_{UT}}$

Trong đó: - $\mathbf{Đ_{M1}}$; $\mathbf{Đ_{M2}}$; $\mathbf{Đ_{M3}}$ Là điểm môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển điểm thi THPT hoặc điểm học tập THPT (học bạ). Điểm học bạ được xét như sau:

$\mathbf{Đ_{M1}}$; $\mathbf{Đ_{M2}}$; $\mathbf{Đ_{M3}} =$	$\mathbf{ĐTBMCN}_{\text{lớp 10}} + \mathbf{ĐTBMCN}_{\text{lớp 11}} + \mathbf{ĐTBMCN}_{\text{lớp 12}}$
	3

(Trong đó: $\mathbf{ĐTBMCN}$ là điểm trung bình chung cả năm lớp 10,11,12)

- $\mathbf{Đ_{UT}}$: Điểm ưu tiên = $\mathbf{Đ_{UT}}$ khu vực + $\mathbf{Đ_{UT}}$ đối tượng

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD\&ĐT.}$

TH
Đ
Đ
Đ

4. Số lượng tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Số 44 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Số 122 Hoàng Minh Thảo, phường Hoà Khánh, thành phố Đà Nẵng.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh (*)	Ghi chú
1.	GDTC0206	Cử nhân Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	100	Phương thức 1 (mã 301): Tổ hợp xét tuyển T01; T02 Phương thức 2 (mã 405): Tổ hợp xét tuyển T01; T02 Phương thức 3 (mã 306): Tổ hợp xét tuyển T01; T02	Xét tuyển khi có đầy đủ các điều kiện thực hiện theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP và Nghị định số 60/2025/NĐ-CP.
2.	QLTT0301	Cử nhân Quản lý Thể dục thể thao	7810301	Quản lý Thể dục thể thao	100	Phương thức 1 (mã 301): Tổ hợp xét tuyển T01; T02 Phương thức 2 (mã 405): Tổ hợp xét tuyển T01; T02 Phương thức 3 (mã 406): Tổ hợp xét tuyển T01; T02 Phương thức 4 (mã 100): Tổ hợp xét tuyển B03: C01; C03: X01 Phương thức 5 (mã 200): Tổ hợp xét tuyển B03: C01; C03: X01	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh (*)	Ghi chú
3.	HLTT0302	Cử nhân Huấn luyện viên thể thao	7810302	Huấn luyện thể thao	700	Phương thức 1 (mã 301): Tổ hợp xét tuyển T01; T02 Phương thức 2 (mã 405): Tổ hợp xét tuyển T01; T02 Phương thức 3 (mã 406): Tổ hợp xét tuyển T01; T02	

(*): Mã phương thức, tổ hợp xét tuyển được khai báo trên Hệ thống Quản lý thi tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trường hợp thí sinh có cùng mức điểm ở cuối danh sách trúng tuyển thì thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh lần lượt như sau:

- a) Ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn;
- b) Ưu tiên thứ tự nguyện vọng đăng ký (trường hợp nhiều thí sinh có điểm xét tuyển ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn)
- c) Ưu tiên thí sinh có điểm thi năng khiếu chuyên ngành (NK2) cao hơn, rồi đến môn NK1 (đối với các chương trình/ngành có tổ hợp môn năng khiếu); đối với các ngành/tổ hợp không thi tuyển năng khiếu thì xét tuyển thí sinh nào có điểm môn chính cao hơn thì được ưu tiên xếp cao hơn.

5.2. Điểm cộng

a) Điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng dành cho các đối tượng thí sinh đạt được theo các tiêu chí thành tích của thí sinh khi đăng ký xét tuyển vào chương trình đào tạo của các ngành.

b) Điểm cộng được cộng trực tiếp vào điểm thi môn năng khiếu (NK1; NK2) và chỉ áp dụng đối với thí sinh là vận động viên (VĐV) thuộc diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, miễn thi năng khiếu nhưng không dùng quyền tuyển thẳng và miễn thi năng khiếu để tham dự thi năng khiếu và thí sinh có thành tích xuất sắc thể thao giải cấp tỉnh, thành phố để xét tuyển.

c) Thí sinh có nhiều thành tích, được xét cộng điểm thành tích ở mức cao nhất vào điểm năng khiếu (NK1; NK2) nhưng không vượt quá tối đa 10.00 điểm cho mỗi môn năng khiếu trước khi tính điểm xét tuyển. Mức điểm cộng cụ thể được áp dụng theo bảng sau:

Bảng áp dụng mức điểm cộng

TT	Mức điểm cộng	Thành tích TDTT đạt được
1	3.00	VĐV thuộc diện tuyển thẳng nhưng không dùng quyền tuyển thẳng (do đi tập huấn, thi đấu...)
2	1.50	VĐV kiện tướng, VĐV đạt huy chương Vàng – Bạc – Đồng giải Vô địch quốc gia, giải Các đội mạnh quốc gia, giải Hạng Nhất quốc gia, Giải trẻ quốc tế, VĐV cấp 1 Quốc gia
3	1.00	VĐV đạt huy chương Vàng – Bạc – Đồng giải Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, giải Thể thao học sinh toàn quốc.
4	0.50	VĐV đạt huy chương Vàng – Bạc – Đồng giải Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, thành phố, giải Thể thao cấp tỉnh, thành phố.

5.3. Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo

a) Nguyên tắc xét tuyển:

- Tất cả các nguyện vọng xét tuyển của thí sinh ở các phương thức đều được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT, đáp ứng các yêu cầu về điều kiện dự tuyển được quy định tại điểm 1.2, mục 1, phần II của Thông tin này. Mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi đảm bảo các điều kiện trúng tuyển.

- Thí sinh đáp ứng các tiêu chí xét tuyển theo chương trình đào tạo của các ngành, điểm trúng tuyển lấy từ thí sinh có điểm cao xuống thấp xét đến hết chỉ tiêu của từng ngành sau khi đã thực hiện quy đổi (nếu có).

- Thí sinh không trúng tuyển vào ngành thứ nhất sẽ được xét vào ngành thứ 2, thứ 3 khi đáp ứng mức điểm trúng tuyển ngành thứ 2, thứ 3 theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào các ngành.

b) Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo:

- Thí sinh trúng tuyển ngành đào tạo nào thì học theo chương trình đào tạo của ngành đó theo quyết định của Hiệu trưởng Trường.

- Thí sinh trúng tuyển ngành Giáo dục thể chất (khi có các điều kiện đào tạo của cấp có thẩm quyền) khi đủ điều kiện trúng tuyển và nhập học phải đăng ký học theo các chuyên ngành do Trường tổ chức và không được chuyển qua các ngành khác.

- Đối với ngành Huấn luyện thể thao, số lượng thí sinh trúng tuyển không đủ số lượng thí sinh đã đăng ký thi theo từng môn để mở lớp chuyên ngành theo quy định, việc tổ chức đào tạo, điều chỉnh hoặc chuyển thí sinh sang các chuyên ngành khác thuộc ngành Huấn luyện thể thao do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở tham mưu đề xuất của các đơn vị chuyên môn.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian thi năng khiếu TDTT

Tổ chức thi tuyển tại Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng:

- Đợt 1: Từ ngày 09/5 – 10/5/2026

- Đợt 2: Dự kiến ngày 19/6 – 20/6/2026

6.2. Hình thức đăng ký thi và xét tuyển

- Thời gian đăng ký thi tuyển năng khiếu TDTT: Từ tháng 02 năm 2026 đến trước 05 ngày của các đợt thi môn năng khiếu.

- Đăng ký thi năng khiếu tại link: <https://dsu.edu.vn/dang-ky-tuyen-sinh>.

6.3. Hồ sơ xét tuyển

- Bản photo Căn cước công dân;

- Bản photo Bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT *đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025 trở về trước*);

- 01 ảnh cỡ 4x6 (chụp không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

- Bản photo công chứng Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh như: con liệt sĩ, con thương binh, bộ đội xuất ngũ, đối tượng ở vùng 1, vùng đặc biệt khó khăn.... nếu thuộc trong các đối tượng này;

Đối với thí sinh là vận động viên thuộc diện xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển, ngoài hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định chung, thí sinh phải nộp bổ sung các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (theo mẫu của Bộ GD&ĐT;
 + *Đối với thí sinh xét tuyển thẳng*: Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải thể thao quốc tế chính thức, do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận.

+ *Đối với thí sinh ưu tiên xét tuyển và thí sinh thuộc diện được cộng điểm*: Bản sao có chứng thực Quyết định công nhận đăng cấp Kiện tướng, cấp 1 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm; giấy chứng nhận đạt huy chương Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải thể thao cấp quốc gia, quốc tế, giải trẻ quốc gia, quốc tế, giải thể thao học sinh toàn quốc, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, thành phố, giải thể thao cấp tỉnh, thành phố.

6.4. Nội dung thi tuyển môn năng khiếu TDTT

a) *Nội dung, hình thức thi tuyển môn năng chung (NK1)*: Bắt buộc đối với các ngành Giáo dục thể chất, ngành Quản lý TDTT, ngành Huấn luyện thể thao (trừ các phương thức, tổ hợp **không** có môn thi năng khiếu).

TT	Ngành	Nội dung thi
1	Giáo dục thể chất	1) Bật xa tại chỗ (cm) 2) Chạy 100m (giây)
2	Huấn luyện thể thao	
3	Quản lý TDTT	

b) *Nội dung thi năng khiếu chuyên ngành (NK2)*

- Đối với ngành Giáo dục thể chất, ngành Huấn luyện thể thao (phương thức 405; 406) thí sinh chọn một (01) trong các môn thể thao chuyên ngành sau:

Chuyên ngành	Nội dung thi
Điền kinh	Chọn 01 trong các nội dung: Chạy 100m (giây), chạy 800m (giây), đẩy tạ (m) nhảy cao (m), nhảy xa (m)
Thể dục	1) Dẻo gập thân (cm) 2) Nằm ngửa gập bụng 30 giây (lần)
Thể thao dưới nước (Bơi; lặn, đua thuyền...)	1) Bơi 50m tính thành tích (giây): Thí sinh chọn các kiểu bơi để thực hiện (bơi tự do; bơi ếch; bơi ngửa; bơi bướm). 2) Dẻo gập thân (cm)
Bóng đá	1) Dẫn bóng luôn cọc 20m (giây) 2) Đá bóng xa trong hành lang 10 mét (m)
Cầu lông	1) Di chuyển đánh cầu phải, trái thấp tay 6 góc sân (10 quả) 2) Phông cầu vào ô 0,76m x 5,18m (10 quả)
Bóng bàn	1) Kỹ thuật vạt nhanh thuận tay (lần) 2) Kỹ thuật chặn đẩy trái tay (lần)
Bóng rổ	1) Bật với có đà (cm) 2) Dẫn bóng tốc độ 20m (giây) 3) Kiểm tra thể hình: Yêu cầu chiều cao: Nam 1,65m; Nữ 1,55m trở lên
Bóng chày	1) Di chuyển chuyên bóng vào tường (lần) 2) Bật với có đà (cm)

THỂ
TRU
ĐẠI
Ể DỤC
ĐÀ

Chuyên ngành	Nội dung thi
	3) Kiểm tra thể hình: <i>Yêu cầu chiều cao: Nam 1,65m; Nữ 1,55m trở lên</i>
Cờ vua	1) Giải 01 bài cờ thế 2 nước trong thời gian 02 phút 2) Thực hiện 01 bài ghi nhớ thế cờ trong 30 giây
Võ thuật (Karate; Taekwondo; Võ Cổ truyền; kick boxing...)	Chọn 02 trong 04 nội dung sau: <i>(cho tất cả bộ môn Võ)</i> 1) Thực hiện bài quyền tay không hoặc binh khí (điểm) 2) Đánh gió 2 phút; (điểm) 3) Di chuyển lặp lại chạm đích, cự ly thay đổi 5m, 10m, 15m; (giây) 4) Lướt đá ngang hoặc đá vòng cầu vào 02 vật chuẩn cao 1,2m và khoảng cách 3m (số lần)
Quần vợt - Pickleball	Chọn nội dung thi của một trong hai môn (Quần vợt hoặc Pickleball): * <u>Quần vợt</u> : 1) Đánh bóng xoáy lên bên phải và bên trái (10 quả) 2) Giao bóng vào ô quy định (10 quả) * <u>Pickleball</u> : 1) Thực hiện kỹ thuật đánh bóng thuận và trái tay (10 quả) 2) Giao bóng vào ô quy định (10 quả)

- Đối với chương trình Khoa học Vận động ngành Huấn luyện thể thao các chương trình ngành Quản lý TDTT (phương thức 405; 406) chọn 02/04 nội dung sau:

Chuyên ngành	Nội dung thi
Khoa học vận động (ngành HLTT)	Chọn 02/04 nội dung sau: 1) Chạy luôn cọc 30m (giây) 2) Nhảy dây 01 phút (số lần) 3) Nằm sấp chống đẩy tối đa (số lần) 4) Đeo gập thân (cm)
Thể thao giải trí	
Golf	
Quản lý Tổ chức sự kiện và Truyền thông thể thao	

Cách thức thực hiện nội dung thi năng khiếu được quy định chi tiết trong Đề án thi năng khiếu tại địa chỉ: <https://dsu.edu.vn/tuyensinh>

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Ưu tiên theo khu vực và đối tượng

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT, được xác định từ Hệ thống đăng ký thi tốt nghiệp THPT quốc gia <http://thisinh.thitotnghiep THPT.edu.vn> và Hệ thống trang nghiệp vụ tuyển sinh chung <http://nghiepvu.thituyensinh.vn>.

7.2. Đối tượng xét tuyển thẳng

Áp dụng đối với thí sinh đảm bảo đủ điều kiện tuyển thẳng theo khoản 1, 2 Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT thể hiện ở Phương thức tuyển thẳng (mã 301) tại điểm 2.3, mục 2 phần II của Thông tin này.

7.3. Đối tượng ưu tiên xét tuyển (miễn thi năng khiếu và đạt 10 điểm)

Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.

7.4. Đối tượng được cộng điểm

Thí sinh thuộc diện ưu tiên cộng điểm thưởng, điểm xét thưởng thực hiện theo theo điểm 5.2, mục 5 phần II của Thông tin này.

8. Mức thu phí dịch vụ tuyển sinh

- Lệ phí xét tuyển thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Lệ phí thi môn năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh.
- Lệ phí xét tuyển thẳng, UTXT, miễn thi NK: 30.000 đồng/thí sinh.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp rủi ro như: (như sai nhầm thành tích năng khiếu, mức điểm các môn, điểm ưu tiên bị nhầm lẫn hoặc sai lệch so với bản gốc; hồ sơ, giấy báo dự thi thất lạc...).

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí: Thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định chính sách học phí, miễn, giảm hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Học phí năm học 2026 – 2027 như sau:

- **Ngành Giáo dục thể chất:** Thực hiện theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP để thực hiện việc hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên.

- **Ngành Quản lý Thể dục thể thao:** 710.000 đồng/tín chỉ

- **Ngành Huấn luyện thể thao:** 710.000 đồng/tín chỉ

Ngoài học phí trên sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm tai nạn và các khoản thu khác theo quy định chung của Nhà nước.

10.2. Các nội dung khác

- Ngành Giáo dục thể chất chỉ tổ chức xét tuyển khi có đầy đủ các điều kiện thực hiện theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP; Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

- Thí sinh đã có kết quả thi năng khiếu TDTT nhưng không trúng tuyển đợt chính thức (đợt 1) được sử dụng kết quả điểm thi năng khiếu để xét tuyển các đợt tiếp theo và xét tuyển đại học theo hình thức thường xuyên (vừa làm vừa học).

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1.	GDCQ0206	Cử nhân Giáo dục thể chất	7140206	Giáo dục thể chất	405	36	29	27.63/30	36	0	-
					406			28.60/30			-
2.	QLCQ0301	Cử nhân Quản lý TDTT	7810301	Quản lý TDTT	100	02	02	21.50/30	02	02	22.50/30
					200	12	12	22.10/30	08	01	22.00/30
					405	54	55	21.00/30	25	08	20.50/30
					406	32	32	21.73/30	15	30	17.00/30
3.	HLCQ0302	Cử nhân Huấn luyện thể thao	7810302	Huấn luyện thể thao	301	05	05	Tuyển thẳng	03	0	-
					200	06	06	24,69/30	-	-	-
					405	469	485	22.50/30	90	235	20.50/30
					406	220	259	23.38/30	235	115	18.00/30
					303	-	-	-	60	70	21.00/30

Cán bộ tuyển sinh



ThS Hoàng Ngọc Viết
0905502113
ngocvietupes3@gmail.com

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 3 năm 2026



PGS.TS Phan Thanh Hải